

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 918/2018/HC-PT

Ngày: 11-10-2018

V/v Khiếu kiện hành chính trong lĩnh vực xây dựng về việc từ chối đăng ký, sửa chữa, cải tạo công trình xây dựng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Phong

Các Thẩm phán: 1. Bà Lê Thị Thuận

2. Bà Lê Hồng Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Nam – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 20/2018/TLPT-HC ngày 17 tháng 7 năm 2018 về “Khiếu kiện hành chính trong lĩnh vực xây dựng về việc từ chối đăng ký, sửa chữa, cải tạo công trình xây dựng”

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2018/HC-ST ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3859/2018/QĐ-PT ngày 27/8/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 7672/2018/QĐ-PT ngày 20/9/2018 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1980

Địa chỉ: xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân xã A, huyện B

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A, huyện B

Địa chỉ: Xã A, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Trương Ngọc Thanh N - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/7/2017, các bản tự khai và biên bản đối thoại, người khởi kiện là ông Nguyễn Thanh H trình bày như sau:

Phần đất 119,4m² thuộc thửa 539 tờ bản đồ số 50 (BĐĐC) xã A, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc là do ông được tặng cho từ ông Huỳnh Văn T, bà Bùi Diệu H theo Hợp đồng tặng cho số 003738/HĐGD ngày 23 và 24/6/2016 tại phòng công chứng A và được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (cập nhật biến động số 27625.002647.BĐ.VP ngày 11/8/2016 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B). Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì mục đích sử dụng thửa đất 539 là đất trồng cây lâu năm, không có nhà tuy nhiên thực tế khi ký hợp đồng trên đất có căn nhà diện tích 42 m² kết cấu tường gạch mái tole được xây dựng từ khoảng năm 2004 đến năm 2007 và sử dụng vào mục đích để ở cho đến nay. Do chủ sử dụng đất ban đầu chưa làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở nên khi thực hiện các giao dịch chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất không thể hiện có sự tồn tại căn nhà đã xây dựng trên đất. Hiện tại căn nhà này đã xuống cấp trầm trọng nên ngày 16/01/2017 ông lập hồ sơ đăng ký đề nghị Ủy ban nhân dân xã A, huyện B cho phép xây tường rào, sửa chữa, cải tạo công trình nhà phố đối với nhà tại thửa đất số 539 tờ bản đồ số 50 (BĐĐC) xã A, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, sau khi nộp hồ sơ đề nghị thì nhiều lần Ủy ban nhân dân xã A yêu cầu ông bổ sung tài liệu, hồ sơ nhưng quá thời hạn giải quyết cấp phép, Ủy ban nhân dân xã A vẫn chưa có văn bản cho phép ông thực hiện sửa chữa công trình nên ông đã khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A đề nghị xem xét.

Ngày 09/5/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A ban hành Công văn số 1010/UBND cho rằng do vi phạm luật đất đai nên không đồng ý đề nghị cấp phép sửa chữa và không cho ông tiến hành xây dựng. Không đồng ý với kết quả giải quyết của Ủy ban nhân dân xã A nên ông tiếp tục khiếu nại đề nghị xem xét lại công văn trên và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1490/QĐ-UBND ngày 24/6/2017 không chấp nhận toàn bộ khiếu nại của ông.

Nhận thấy, việc giải quyết của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A, huyện B là không đúng pháp luật làm ảnh hưởng, xâm phạm quyền lợi ích hợp pháp của mình nên ngày 01/7/2017 ông Nguyễn Thanh H khởi kiện

hành chính yêu cầu Tòa án nhân dân huyện B giải quyết hủy Công văn số 1010/UBND ngày 09/5/2017 của Ủy ban nhân dân xã A và hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 1490/QĐ-UBND ngày 24/6/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A, huyện B.

Tại bản tự khai, biên bản đối thoại và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện hợp pháp của người bị kiện là Chủ tịch và Ủy ban nhân dân xã A, huyện B trình bày:

Ngày 20/01/2017, Ủy ban nhân dân xã A có tiếp nhận hồ sơ đăng ký sửa chữa, cải tạo công trình của ông Nguyễn Thanh H đối với nhà số, xã A, huyện B với quy mô xây dựng: tường gạch, mái tole, xây tường rào bao quanh, diện tích: 119,4m². Sau khi nhận hồ sơ đề nghị thì Ủy ban nhân dân xã tiến hành xác minh hiện trạng vị trí xin đăng ký sửa chữa có căn nhà (ấp 2, xã A, huyện B), kết cấu: cột sắt, vách gạch (cao 01 mét) + tole, mái tole, diện tích: 42m².

Tuy nhiên, theo tài liệu bản đồ địa chính năm 2004 thì tại vị trí đề nghị đăng ký sửa chữa không thể hiện có sự tồn tại của căn nhà này. Đồng thời, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00542/7013939 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp thì mục đích sử dụng của thửa đất 539 tờ bản đồ số 50, xã A, huyện B là đất trồng cây lâu năm. Theo hồ sơ do ông Nguyễn Thanh H cung cấp thì không có giấy tờ gì thể hiện về nguồn gốc và thời điểm tạo lập căn nhà đề nghị sửa chữa. Do đó, ngày 06/02/2017 Ủy ban nhân dân xã A ban hành công văn số 219/UBND yêu cầu ông Nguyễn Thanh H cung cấp hồ sơ pháp lý để chứng minh thời điểm xây dựng căn nhà xin sửa chữa. Tuy nhiên, đến ngày 07/02/2017 thì ông Nguyễn Thanh H nộp lại hồ sơ đăng ký sửa chữa với quy mô công trình xây dựng: tường gạch, xây tường rào bao quanh, diện tích 42m² và cung cấp giấy xác nhận ngày 09/9/2016 của công ty điện lực B có nội dung thể hiện thời điểm gắn điện kế số 2317/PCBC-QLTH.2 ngày 25/02/2009 với tên khách hàng là Nguyễn Thanh H. Qua đối chiếu Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00542/7013939 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp thì từ ngày 22/02/2008 đến trước ngày 30/11/2015 thửa đất số 539 tờ bản đồ số 50 xã A do bà Trương Thị P (sinh năm 1972, CMND số: 025460920, thường trú tại ấp 2, xã A, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh) là chủ sử dụng.

Như vậy, căn cứ tài liệu hồ sơ do ông Nguyễn Thanh H cung cấp và căn cứ mục đích sử dụng thửa đất theo giấy chứng nhận được cấp, bản đồ địa chính thì căn nhà mà ông Nguyễn Thanh H đề nghị sửa chữa không được xây dựng và tồn tại theo Nghị định số 23/2009/NĐ-CP ngày 27/02/2009 của Chính phủ. Do đó, việc Ủy ban nhân dân xã A, huyện B ban hành công văn số 1010/UBND ngày 09/5/2017 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1490/QĐ-UBND ngày 24/6/2017 là hoàn toàn có cơ sở nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh H.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2018/HC-ST ngày 07 tháng 6 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã quyết định:

Căn cứ Điều 30, khoản 1 Điều 31, Điều 78 và Điều 116 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh H đòi hủy Công văn số 1010/UBND ngày 09/5/2017 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện B và hủy Quyết định số 1490/QĐ-UBND ngày 24/6/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Về án phí: ông Nguyễn Thanh H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền án phí 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng) mà ông Nguyễn Thanh H nộp theo biên lai thu tiền số 0030023 ngày 28/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân huyện B, thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Thanh H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

3/ Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Ngày 15 tháng 6 năm 2018, người khởi kiện là ông Nguyễn Thanh H kháng cáo toàn bộ bản án số 05/2018/HC-ST ngày 07/6/2018 với lý do bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ông, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Người khởi kiện ông Nguyễn Thanh H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đối với yêu cầu kháng cáo ông đề nghị rút lại yêu cầu hủy Công văn số 1010/UBND ngày 09/5/2017 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, ông yêu cầu Tòa phúc thẩm xem xét hành vi không giải quyết đề nghị cấp phép cho ông sửa chữa nhà của Ủy ban nhân dân xã A là trái pháp luật; hủy bỏ Quyết định giải quyết khiếu nại số 1490/QĐ-UBND ngày 24/6/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A, huyện B và buộc Ủy ban nhân dân xã A phải giải quyết cho ông được phép sửa chữa nhà. Với lý do: Công văn 1010/UBND ngày 09/5/2017 Ủy ban nhân dân xã A, huyện B chỉ là thông báo ban hành sau khi ông đã có đơn khiếu nại việc Ủy ban nhân dân xã A chậm trễ không giải quyết cho ông được sửa chữa nhà trong thời hạn 7 ngày theo quy định tại khoản 5 Điều 9 Nghị định

64/2012/NĐ-CP ngày 04/9/2012 của Chính phủ; Quyết định số 1490/QĐ-UBND ngày 24/6/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A, huyện B dựa trên công văn số 1010/UBND ngày 09/5/2017 nên với yêu cầu hủy bỏ quyết định 1490/QĐ-UBND ngày 24/6/2017 thì đương nhiên công văn trên hết hiệu lực. Việc xác định thời điểm xây dựng nhà thuộc trách nhiệm của ủy ban nhân dân xã, tuy nhiên để bổ sung tài liệu cho tòa phúc thẩm sau khi kháng cáo ngày 13/9/2018 ông có làm đơn xác nhận tình trạng nhà nhưng Ủy ban nhân dân xã A trả lời không đủ cơ sở giải quyết cho ông (Công văn số 2204/UBND ngày 21/9/2018 của Ủy ban nhân dân xã A).

- Người bị kiện là Chủ tịch và Ủy ban nhân dân xã A, huyện B có ông Trương Ngọc Thanh N là người đại diện hợp pháp đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh H. Đối với việc chậm trễ so với thời hạn quy định là do phải xác minh hồ sơ nhà đất của ông Hải.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến tại phiên tòa phúc thẩm như sau:

+ Về việc chấp hành pháp luật tố tụng trong giai đoạn phúc thẩm: Từ khi thụ lý cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự thủ tục, thụ lý, thẩm quyền, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Các đương sự trong vụ án cũng đã chấp hành đúng quyền lợi và nghĩa vụ của mình.

+ Về kháng cáo của ông Nguyễn Thanh H: Do nhà của ông H xây dựng trên đất nông nghiệp chưa chuyển đổi mục đích sử dụng và ông không chứng minh được thời điểm xây dựng nhà vào năm 2004, nên Ủy ban nhân dân xã A từ chối xác nhận hồ sơ xin phép sửa chữa nhà và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A không chấp nhận khiếu nại của ông H là có căn cứ, nên đề nghị bác yêu cầu kháng cáo của ông Hải, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo :

Ông Nguyễn Thanh H là người khởi kiện đã trực tiếp tham gia tố tụng và có mặt tại phiên tòa sơ thẩm tuyên án ngày 07/6/2018, ngày 15/6/2018 ông có đơn kháng cáo. Như vậy, ông H có quyền kháng cáo và Đơn kháng cáo làm trong thời hạn luật định.

[2] Về đối tượng, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Văn bản số 1010/UBND ngày 09/5/2017 có nội dung từ chối không đồng ý cho ông Nguyễn Thanh H sửa chữa, cải tạo công trình xây dựng của UBND xã A huyện B và Quyết định số 1490/QĐ-UBND ngày 24/6/2017 về việc giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực xây dựng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A, huyện B là Quyết định hành chính. Ngày 01/7/2017, ông H đã có đơn khởi kiện yêu cầu hủy bỏ đối với 02 văn bản nêu trên. Như vậy, đơn khởi kiện của ông H làm trong thời hạn luật định, Tòa án nhân dân huyện B thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, Điều 31, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015. Tại phiên tòa phúc thẩm ông H thay đổi yêu cầu khởi kiện từ khởi kiện Văn bản số 1010/UBND ngày 09/5/2017 của Ủy ban nhân dân xã A sang khởi kiện yêu cầu tuyên bố hành vi từ chối không cho phép ông tiến hành sửa chữa nhà của Ủy ban nhân dân xã A là trái pháp luật. Xét thấy hành vi của Ủy ban nhân dân xã A đã biểu hiện rõ qua Văn bản số 1010/UBND ngày 09 tháng 5 năm 2017 ‘về việc phúc đáp giấy đăng ký sửa chữa, cải tạo công trình’. Văn bản này có nội dung cụ thể và nội dung này làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông H. Vì vậy, khi giải quyết yêu cầu kháng cáo của ông H thì cũng phải cần xem xét tính hợp pháp của văn bản này.

[3] Về trình tự thủ tục, thẩm quyền ban hành Văn bản số 1010/UBND ngày 09/5/2017 của Ủy ban nhân dân xã A và Quyết định số 1490/QĐ-UBND ngày 24/6/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A:

Căn cứ khoản 10 Điều 6 của Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 04/8/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định chi tiết một số nội dung về cấp phép xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh thì Ủy ban nhân dân xã có thẩm quyền thẩm tra xác nhận đối với nhà ở riêng lẻ trên đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư về thời điểm xây dựng nhà ở, tình trạng tranh chấp, khiếu nại (nếu có); tiếp nhận thông báo ngày khởi công xây dựng công trình, nội dung sửa chữa cải tạo của chủ đầu tư; tổ chức kiểm tra theo dõi việc thực hiện theo giấy phép xây dựng và quản lý xây dựng đối với các công trình thuộc địa giới hành chính do mình quản lý. Do đó, việc Ủy ban nhân dân xã A ban hành Văn bản số 1010/UBND ngày 09/5/2017 là đúng thủ tục, thẩm quyền.

Sau khi có đơn khiếu nại của ông Nguyễn Thanh H, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A ban hành Quyết định số 1490/QĐ-UBND ngày 24/6/2017 là đúng quy định theo Điều 17 Luật khiếu nại năm 2011.

[4] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Thanh H Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[5] Về vị trí công trình được yêu cầu sửa chữa:

Căn cứ sự thừa nhận của các đương sự thì có cơ sở xác định vị trí công trình đề nghị xây dựng hàng rào, cải tạo sửa chữa căn nhà mà ông Nguyễn Thanh H yêu cầu thuộc thửa 539 tờ bản đồ số 50 (BĐDC/2005) xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Thửa đất nêu trên là do ông Nguyễn Thanh H được tặng cho và đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B cập nhật biến động ông là người đứng tên vào ngày 11/8/2016 tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL437594 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 15/11/2007.

[6] Về thời điểm tạo lập công trình được yêu cầu sửa chữa:

Ông H cho rằng trên thửa đất số 539 tờ bản đồ số 50 (BĐDC) xã A có căn nhà kết cấu tường gạch mái tole được xây dựng từ rất lâu, tại phiên tòa hôm nay ông cũng không xác định được chính xác thời điểm xây dựng căn nhà mà chỉ nghe nói lại được xây dựng trong thời gian từ năm 2004 đến năm 2007. Tuy nhiên, căn cứ tài liệu bản đồ địa chính năm 2004; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL437594 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 15/11/2007 đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B cập nhật biến động vào ngày 11/8/2016; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 005934/HĐGD ngày 30/11/2015 giữa ông Nguyễn N, bà Trương Thị P với ông Huỳnh Văn T và Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 003738/HĐGD ngày 23/6/2016 giữa ông Huỳnh Văn T, bà Bùi Diệu H với ông Nguyễn Thanh H tại Văn phòng Công chứng An Lạc và Thông báo nộp thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân chuyển nhượng bất động sản ngày 29/4/2016 của Chi cục thuế huyện B đều thể hiện thửa đất số 539 tờ bản đồ số 50 (BĐDC) xã A có mục đích sử dụng đất là: “CLN_ Đất trồng cây lâu năm” và trên đất không có căn nhà mà ông Nguyễn Thanh H yêu cầu sửa chữa.

Căn cứ khoản 2 Điều 3 Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 04/8/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quy định chi tiết một số nội dung về cấp phép xây dựng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh thì: “*Đối với nhà ở riêng lẻ hiện hữu trên đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư mà hộ gia đình, cá nhân đã xây dựng và sử dụng ổn định nhà ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2006 (kể cả các trường hợp tự khai thác, lấn chiếm đất nhà nước mà Nhà nước không quản lý, sử dụng), không có tranh chấp, khiếu nại; không phù hợp chức năng theo đồ án quy hoạch xây dựng được duyệt...*” mới được cơ quan có thẩm quyền giải quyết việc sửa chữa nhưng ông H không có tài liệu xác định chính xác thời gian cụ thể nào trước hay sau ngày 01/7/2006 và sử dụng vào mục đích để ở cho đến nay là không có cơ sở.

Lời khai và các tài liệu ông H cung cấp không chứng minh được thời điểm xây dựng nhà và đã sử dụng ổn định trước ngày 01/7/2006 nên Ủy ban nhân dân xã A từ chối tiếp nhận đăng ký sửa chữa thể hiện tại Văn bản số 1010/UBND ngày 09/5/2017 trả lời cho ông H với nội dung không đủ cơ sở để

xem xét giải quyết hồ sơ sửa chữa nhà là đúng quy định.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông H về việc hủy bỏ Văn bản số 1010/UBND ngày 09/5/2017 của Ủy ban nhân dân xã A là có cơ sở nên Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên phần này của bản án sơ thẩm.

[7] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Thanh H yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 1490/QĐ-UBND ngày 24/6/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Từ những cơ sở ban hành Văn bản trả lời số 1010/UBND ngày 09/5/2017 của Ủy ban nhân dân xã A là đúng quy định nên việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1490/QĐ-UBND ngày 24/6/2017 có nội dung giữ nguyên và tiếp tục thực hiện việc đề nghị ông H không được sửa chữa căn nhà tại vị trí thuộc một phần thửa 539, tờ bản đồ số 50 (BĐĐC/2005) khi chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền là đúng quy định. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông H về việc hủy bỏ Quyết định giải quyết khiếu nại số 1490/QĐ-UBND ngày 24/6/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A là có cơ sở nên Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên phần này của bản án sơ thẩm.

[8] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cũng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính bác kháng cáo của ông H và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[9] Do Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là ông H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, Điều 31, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 32, khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 3, Điều 6 Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 04/8/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định chi tiết một số nội dung về cấp phép xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh,

Tuyên xử:

I. Bác kháng cáo của ông Nguyễn Thanh H và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2018/HC-ST ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

II. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền án phí 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng) mà ông Nguyễn Thanh H nộp theo biên lai thu tiền số 0030023 ngày 28/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Thanh H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

III. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Thanh H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0005318 ngày 19/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Ông H đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

IV. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- TAND huyện Bình Chánh;
- Chi cục THA DS huyện Bình Chánh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Phong